

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HS-ST.

Ngày: 29/3/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn X Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn V và bà Y BLư; .

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/TLST - HS ngày 17/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

A X, sinh ngày 18/01/2005 tại K; Số CCCD: 062205005693; Nơi đăng ký thường trú: Thôn 10, xã Đ, huyện K, tỉnh K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Xơ Đăng; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; cha A H, mẹ Y T(Đã chết).

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/10/2021, bị Công an phường N quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo A X: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K (Có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Tấn V, sinh năm 2006 (Vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của anh V: Bà Phạm Thị Thu S (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Ia Đal, huyện I, tỉnh K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Lê Văn T, sinh năm 2000, Trú tại 15 Ngõ Đức Kế, phường L, thành phố K (Vắng mặt).

2/ Chị Y L, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn 10, xã Đ, huyện K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút trưa ngày 28/11/2022, bị cáo A X đến khu Ký túc xá của Trường CD(Cơ sở 4), địa chỉ: Tổ 4, phường N, thành phố K để chơi. Đến 19 giờ 00 phút cùng ngày, A X sang phòng B6 của anh Nguyễn Tấn V chơi, thấy V đang sử dụng điện thoại OPPO A54 màu đen và còn mới nên A X nảy sinh ý định lấy trộm. Sau đó A X về phòng A10 chơi và chờ đến khoảng 01 giờ 30 phút đêm ngày 29/11/2022, khi mọi người trong phòng B6 của anh V đi ngủ, A X đi ra phía sau rồi trèo qua khung sắt vào trong phòng lấy điện thoại OPPO A54 màu đen của V và mang về cất giấu sau phòng A10 của Ký túc xá. Đến trưa cùng ngày, A X đem điện thoại bán cho anh Lê Văn T tại địa chỉ 15 Ngô Đức Kế, phường L, thành phố K với số tiền 1.500.000 đồng, A X tiêu xài hết số tiền này.

Kết luận định giá tài sản, kết luận: 01 điện thoại di động OPPO A54 màu đen giá trị là 4.369.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSTPKT ngày 17/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo A X về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 90, 91 và Điều 101 BLHS, xử phạt bị cáo A X từ 05 đến 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/12/2022. Miễn nộp tiền án phí cho bị cáo.

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng bào chữa cho bị cáo, thống nhất với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng khó khăn, bị cáo là người chưa thành niên, khi phạm tội mới hơn 17 tuổi, chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và thể chất, nên nhận thức chưa chín chắn, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội gây thiệt hại không lớn, để xem xét áp dụng mức hình phạt nhẹ cho bị cáo. Miễn nộp tiền án phí cho bị cáo.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; thể hiện sự ăn năn hối cải.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội, hứa không tái phạm và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người liên

quan không ai có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX căn cứ Điều 292 của BLTTHS xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định: Khoảng 01 giờ 30 phút đêm ngày 29/11/2022, tại phòng B6, Trường CD(Cơ sở 4), địa chỉ Tổ 4, phường N, thành phố K, bị cáo A X đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý bảo vệ tài sản của chủ sở hữu, để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Tấn V 01 điện thoại di động OPPO A54 màu đen giá trị là 4.369.000 đồng.

Hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 BLHS, do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh trong khu vực nhà trường và trên địa bàn thành phố K.

[3] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã hoàn trả khoản tiền 1.500.000 đồng cho người liên quan, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[5] Nhân thân: Bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào năm 2021.

[6] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Cần thiết phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo. Cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên 17 tuổi 10 tháng 11 ngày, ở tuổi này bị cáo chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và thể chất, nên nhận thức chưa chín chắn; nên áp dụng các điều 90, 91 và Điều 101 BLHS khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[7] *Hình phạt bổ sung*: Khi phạm tội bị cáo A X là người dưới 18 tuổi nên không bị áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] *Xử lý vật chứng*: Cơ quan CSĐT đã trả lại 01 điện thoại di động OPPO A54 màu đen cho anh Nguyễn Tấn V là đúng quy định.

[9] *Trách nhiệm dân sự*: Người bị hại anh V đã nhận lại tài sản; bị cáo đã hoàn trả lại số tiền bán điện thoại 1.500.000 đồng người liên quan anh Lê Văn T. Anh T và anh V đều không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét. Chị Y L cho bị cáo 1.500.000 đồng để hoàn trả lại cho anh Lê Văn T, Y L không yêu

cầu trả lại nên không xem xét.

[10] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, nên miễn nộp án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **A X** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 38, 90, 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **A X**: **03** (Ba) tháng **14** (Mười bốn) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam **16/12/2022**. Thời hạn tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

3. Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo **A X** được miễn nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/03/2023). Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Công an TP KonTum;
- THA dân sự TP KonTum;
- Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hp;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn X Hoài
KẾ HOẠCH XÉT HỎI
(Vụ án hình sự - Trộm cắp tài sản)

Người lập kế hoạch: Nguyễn X Hoài – Thẩm phán sơ cấp;

Đơn vị công tác: Tòa án nhân dân thành phố K.

Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2023/TLST - HS ngày 17/02/2023, đối với bị cáo **A X**, sinh ngày 18/01/2005 tại K; trú tại: Thôn 10, xã Đ, huyện K, tỉnh K; nghề nghiệp: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam.

I. TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Khoảng 01 giờ 30 phút đêm ngày 29/11/2022, tại phòng B6, Trường CD(Cơ sở 4), địa chỉ Tổ 4, phường N, thành phố K, bị cáo A X đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý bảo vệ tài sản của chủ sở hữu, để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Tấn V 01 điện thoại di động OPPO A54 giá trị là 4.369.000 đồng.

Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

II. KẾ HOẠCH XÉT HỎI.

Sau khi thực hiện xong phần thủ tục bắt đầu phiên, chuyển sang phần tranh luận với các thủ tục như sau:

1. Thủ tục hỏi:

KSV đọc cáo trạng. Chú ý xử lý tình huống:

- Nội dung Cáo trạng KSV công bố tại phiên tòa có nội dung khác với nội dung Cáo trạng mà bị cáo đã được nhận;
- VKS có ý kiến bổ sung nội dung Cáo trạng;
- Nội dung khác/bổ sung nêu trên mà VKS thay đổi tội danh/chuyển khung; rút một phần hoặc toàn bộ Quyết định truy tố;
- Bị cáo chối tội, không đồng ý với quyết định truy tố.

Hỏi theo trình tự dưới đây:

- Hội đồng xét xử (Chủ tọa hỏi xong đến các vị HTND);
- Kiểm sát viên;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người bảo vệ quyền lợi cho bị hại và đương sự (Nếu có).

Quá trình hỏi, chú ý xử lý tình huống: Bị cáo chối tội; bị bức cung nhục hình; khai thêm đồng phạm; lời khai mâu thuẫn; đối chất; công bố lời khai, định giá, ...

Hỏi bị cáo để làm rõ các nội dung:

- Làm rõ diễn biến hành vi/các hành vi phạm tội của bị cáo; thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm; động cơ, mục đích; nguyên nhân, điều kiện phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; có đồng phạm tham gia; ...

- Làm rõ về vật chứng; xử lý vật chứng; ...
- Trách nhiệm dân sự.

Hỏi đại diện hợp pháp của bị cáo để làm rõ các nội dung:

- Quản lý, giáo dục bị cáo;
- ...

Hỏi bị hại để làm rõ các nội dung:

- Làm rõ thêm về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị hại bị mất những tài sản gì, vào thời gian nào, ở đâu; đặc điểm, trị giá, nguồn gốc tài sản;
- Trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; đề nghị về xử lý hình sự đối với bị cáo;

Hỏi người liên quan để làm rõ các nội dung:

- Làm rõ các nội dung về các hành vi và ý thức chủ quan của họ mà có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, để xác định rõ trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hình sự (nếu có); ...
- Làm rõ ý kiến, yêu cầu của người liên quan về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, ...

Sau khi HĐXX, KSV và người bào chữa không hỏi gì thêm; bị cáo, bị hại và những người được triệu tập có mặt tại phiên tòa không khai, không trình bày gì thêm. Chuyển sang phần tranh luận.

1. Thủ tục tranh luận:

- KSV phát biểu lời luận tội (quan điểm giải quyết vụ án);
- Người bào chữa trình bày lời bào chữa;
- Bị cáo bào chữa bổ sung;
- Ý kiến của bị hại, người liên quan. ...

Chú ý xử lý tình huống:

- Hướng cho bị cáo, bị hại và người liên quan tranh luận về các nội dung: Tội danh, hình phạt, điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, ...
- Yêu cầu KSV phải đối đáp, tranh luận lại tất cả các nội dung mà có liên quan đến vụ án.